

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07/10/2024

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Thái Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Ngọc Thọ.

2. Bà Trần Thị Diễm Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bạch Mai Anh Thi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/9/2024 và ngày 07/10/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/4/2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh Tr; sinh năm 1975. Có mặt.

Địa chỉ: Buôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Lê Thành C, sinh năm 1972. (Ngày 30/9/2024 có mặt, ngày 07/10/2024 vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người bảo vệ quyền v lợi ích hợp pháp của bị đơn: Nguyễn Huy H – Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Huy H; Địa chỉ: Số 416 Hùng Vương, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Ngày 30/9/2024 có mặt, ngày 07/10/2024 vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Chị Lê Thị Thanh H; Địa chỉ: Số 17 Buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.
2. Chị Lê Thị Thanh Ng; Địa chỉ: Số 07 Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.
3. Anh Lê Văn V; Địa chỉ: Số 44/16 Nguyễn Tri Phương, tổ dân phố 1, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.
4. Anh Lê Văn Kh; Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.
5. B Nguyễn Thị L; Địa chỉ: Số 44/16 Nguyễn Tri Phương, tổ dân phố 1, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.
6. Anh Lê Văn T; Địa chỉ: Buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.
7. Anh Lê Đình Th; Số 44/16 Nguyễn Tri Phương, tổ dân phố 1, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh Tr trình bày: Tôi và anh Lê Thành C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định vào ngày 26/5/2000. Quá trình chung sống dần dần chúng tôi phát sinh mâu thuẫn, ngày càng bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt nên tôi yêu cầu tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với anh C.

Về con chung: trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung 1 cháu Lê Thanh Nh (sinh ngày 11/01/2003), Lê Thành L (sinh ngày 06/6/2001). Do 02 con chung bị bệnh, không thể tự lập được nên tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, tôi không yêu cầu giải quyết. Về tài sản và công nợ chung: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn trình bày đề ngày 20/9/2024 và tại phiên toà, chị Tr trình bày: Do 02 con chung chẳng may bị khuyết tật nên gia đình nhà chồng không nhận con tôi là cháu và cấm không cho tôi, 02 cháu về nhà họ. Đến nay con tôi đã 23 tuổi và 21 tuổi nhưng chưa một lần bước chân vào nhà nội. Chính vì điều này mà tôi và gia đình nhà chồng gần như người xa lạ. Đến giữa năm 2022, tôi và anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn tranh cãi với nhau. Nguyên nhân chính là do tính ghen tuông vô cớ, nói tôi một cách tùy tiện, dần dần vợ tình cảm vợ chồng không còn nữa, không còn tiếng nói chung và không còn sự tin tưởng ở nhau; chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 8/2022. Tôi và anh

C thường xuyên cãi nhau nhưng xóm làng và người thân trong gia đình không ai biết. Vì tôi không bao giờ đem chuyện gia đình kể cho ai nghe. Đến nay, tôi đã quá thất vọng và tổn thương. Tôi không còn muốn để bản thân tôi làm con dâu trong một gia đình mà ngay cả cháu nội cũng không nhận chỉ vì cháu bị khuyết tật. Và tôi cũng không còn muốn bản thân tôi tiếp tục chung sống với một người chồng mà không có lòng tin ở tôi.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn anh Lê Thành C trình bày:*

Tôi và chị Tr tự nguyện có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định vào năm 2000; được sự đồng thuận của cha mẹ hai bên gia đình và tổ chức đám cưới theo đúng nghi lễ và pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng không có gì là lớn cả. Tôi là người ôn hoà nên cũng không có xảy ra cãi vã gì lớn. Vợ tôi là người có tính cách mạnh mẽ và có cái tôi rất lớn. Chúng tôi có 02 con chung Lê Thanh Nh (sinh ngày 11/01/2003), Lê Thành L (sinh ngày 06/6/2001). Cả hai con là trẻ khuyết tật, không may mắn như bao đứa trẻ khác và không được như kỳ vọng của vợ tôi. Nên tôi nghĩ đó là lý do lớn để vợ tôi yêu cầu ly hôn. Vì vậy, tôi yêu cầu Toà án hoà giải cho vợ chồng tôi được sống với nhau; những vướng mắc của cuộc sống được giải quyết và thông cảm chia sẻ cho nhau. Điều quan trọng là 02 con có đầy đủ cha mẹ thương yêu, không chia rẽ ngăn cách. Trường hợp chị Tr kiên quyết ly hôn thì tôi đề nghị To án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con thì tôi đồng ý để cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng các con, không tách rời hai con, còn ai nuôi cũng được. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chúng tôi tự giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản và công nợ chung: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà, tôi đã biết những thiếu sót của mình với vợ nên mong vợ bỏ qua cho tôi; tôi không đồng ý ly hôn nên về con chung thì tôi không đồng ý giải quyết về vấn đề này.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Nguyễn Huy H phát biểu quan điểm bảo vệ:* Xét các yếu tố để chị Tr đưa ra làm căn cứ để xin được ly hôn với anh C là không chính đáng, cụ thể trong cuộc sống hàng ngày nói chung vợ chồng nào cũng có xung đột cãi vã do nhiều yếu tố về cuộc sống tinh thần, yếu tố về vật chất ... Tuy nhiên những việc cãi vã vật vụn giữa chị Tr với anh C không gây hậu quả nặng nề, không dẫn đến nghiêm trọng để phải ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, xét thấy việc chị Tr Lm đơn ly hôn với anh C là không đúng, nên 7 người trong gia đình chị Tr gồm mẹ đẻ và các anh chị em trong gia đình của chị Tr đã có đơn đề nghị tòa án không

chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Tr, họ là những người luôn gần gũi yêu thương anh C, chị Tr và 2 cháu, anh chị có hoàn cảnh đặc biệt so với nhiều gia đình khác trong xã hội, anh chị có 2 cháu tuy đã đủ tuổi công dân nhưng mắc bệnh hiểm nghèo không thể tự lập cho cuộc sống, đây là nguyên nhân chính dẫn đến có sự cãi vã của chị với anh. Theo đơn đề nghị của 07 người đều cho rằng anh C không có lỗi gì trong cuộc sống gia đình, anh luôn yêu thương chăm sóc vợ con tàn tật, là người lao động chính trong gia đình, không làm mất lòng đối với vợ và gia đình bên vợ cùng bà con lối xóm, có đức tính hiền lành. Nên đề nghị tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Thanh Tr, Trong đơn họ còn cho rằng lỗi là hoàn toàn là ở chị Tr không lo làm ăn cùng chồng để nuôi dưỡng 2 cháu. Từ những cơ sở nêu trên xét thấy giữa chị Tr với anh C không có căn cứ để chấp nhận cho anh chị ly hôn. Căn cứ Khoản 1, Điều 56 Luật HNGĐ và điểm a khoản 8 Nghị quyết 02/2000/NQ- HĐTP ngày 23/12/2000 quy định tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về vợ chồng có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống không thể kéo dài. Tuy nhiên những căn cứ của chị Tr đưa ra để xin được ly hôn với anh C là không có căn cứ chính đáng. Vì lẽ trên, tôi kính đề nghị HĐXX xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Tr, đề hai vợ chồng tiếp tục đoàn tụ nuôi dạy con cái đảm bảo cuộc sống cho gia đình.

- Những người làm chứng, bà Nguyễn Thị L, chị Lê Thị Thanh Ng, anh Lê Văn Kh, anh Lê Văn T, chị Lê Thị Thanh H, anh Lê Văn V, anh Lê Đình Th trình bày có cùng nội dung: Chúng tôi ký đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Thanh Tr. Trong vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình. Lê Thị Thanh Tr và Lê Thành C là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2000. Trong quá trình hôn nhân, C và Tr sinh được 02 con chung tên Lê Thanh Nh (sinh ngày 11/01/2003) và Lê Thành L (sinh ngày 06/6/2001). Cả hai cháu tuy đã đủ 18 tuổi nhưng hai cháu bị bệnh hiểm nghèo không thể tự lập trong cuộc sống được. Là người thân trong gia đình, chúng tôi biết rõ Lê Thành C là một người chồng, người cha rất hiền lành và có trách nhiệm với gia đình, luôn yêu thương quan tâm chăm sóc lo lắng cho vợ con, là người lao động chính trong gia đình để chăm sóc vợ và hai con tàn tật. Trong cuộc sống hằng ngày Lê Thành C là người chăm chỉ làm ăn chu toàn, chăm lo cho cuộc sống của gia đình và con cái không mất lòng đối với vợ và gia đình phía vợ, không gây to tiếng trong gia đình, người có đức tính hiền lành. Xét thấy anh C không có lỗi gì để tòa án chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của Lê Thị Thanh Tr, lỗi hoàn toàn

xảy ra trong gia đình là do Tr gây ra, Tr không lo làm ăn để cùng chồng nuôi dưỡng con cái. Chúng tôi toàn bộ gia đình phía bên nguyên đơn (Lê Thị Thanh Tr) đại diện cho Lê Thành C làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Búk không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Thanh Tr, buộc em Lê Thị Thanh Tr trở về đoàn tụ với Lê Thành C để hai bên có trách nhiệm và nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng hai con bị bệnh hiểm nghèo không thể tự lập sinh sống được. (Hai cháu không tự lo cho bản thân mình được) cần có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ của ba mẹ. Vì vậy, chúng tôi ký đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của Lê Thị Thanh Tr để gia đình đoàn tụ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh C và Người bảo vệ quyền v lợi ích hợp pháp của anh C vắng mặt tại phiên tòa ngày 07/10/2024 không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị đơn.

Về nội dung vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 81; 82; 83; Điều 84; Điều 110 Luật hôn nhân v gia đình: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Tr ly hôn với anh C; Xét thấy hai con của chị Tr, anh C đều đã đủ 18 tuổi nhưng bị khuyết tật và không có khả năng tự chăm sóc bản thân, cả chị Tr và anh C đều có khả năng nuôi con chung. Tuy nhiên xét thấy cần giao con chung cho mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp hơn, do đó cần giao 1 cháu Lê Thanh Nh (sinh ngày 11/01/2003), Lê Thành L (sinh ngày 06/6/2001) cho chị Tr trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, không xem xét đến tài sản chung và nợ chung của hai vợ chồng.

Tại phiên tòa, các bên giữ nguyên ý kiến, yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các ti liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk

theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Những người làm chứng vắng mặt tại phiên toà; bị đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại phiên toà ngày 07/10/2024 không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành phiên toà xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh C tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định vào ngày 26/5/2000.

Sau khi kết hôn chị Tr và anh C chung sống với nhau tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk từ năm 2000 cho đến nay. Chị Tr cho rằng vợ chồng không còn hoà hợp, không đạt được mục đích hôn nhân, mâu thuẫn đã trầm trọng nên yêu cầu ly hôn với anh C; anh C không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm và mâu thuẫn không đến mức trầm trọng để dẫn đến ly hôn.

Xét ý kiến của anh C và người bảo vệ quyền lợi cho anh C cho rằng việc cãi vã vật vụn giữa chị Tr với anh C không gây hậu quả nặng nề, không dẫn đến nghiêm trọng để phải ly hôn; người thân trong gia đình chị Tr có đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn ly hôn của chị Tr; Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù chị Tr và anh C vẫn sống chung một nhà nhưng không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau trong cuộc sống thường ngày. Mâu thuẫn không biểu hiện rõ ra ngoài xã hội nhưng cuộc sống vợ chồng có sự ức chế tâm lý. Quan hệ hôn nhân là quyền nhân thân nên việc chị Tr yêu cầu ly hôn là quyền gắn liền với cá nhân chị Tr.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tr, anh C đã đến mức trầm trọng, không thể hoà giải, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr, cho chị Tr được ly hôn với anh C để tạo điều kiện cho cả hai có một cuộc sống riêng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị Tr và anh C có 02 con chung tên Lê Thanh Nh (sinh ngày 11/01/2003), Lê Thành L (sinh ngày 06/6/2001). Trong quá trình hòa giải, anh C cũng đồng ý với chị Tr trong trường hợp ly hôn thì không tách rời hai con. Tuy nhiên tại phiên tòa anh C không đồng ý ly hôn nên cũng không đồng ý về việc giao con cho ai nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù 02 con chung đã trên 18 tuổi nhưng đều là trẻ khuyết tật, không tự lập được. Nay chị Tr và anh C ly hôn, xét nguyện vọng của chị Tr

muốn được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và ý kiến của anh C muốn 02 con được ở cùng nhau nên cần giao 02 con chung cho chị Tr là người mẹ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để tránh sự thay đổi lớn trong cuộc sống của 02 con chung là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Tr không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Anh C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản v c nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật Hôn nhân v gia đình;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thanh Tr.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Lê Thị Thanh Tr được ly hôn với anh Lê Thành C.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Lê Thanh Nh (sinh ngày 11/01/2003), Lê Thnh L (sinh ngày 06/6/2001) cho chị Lê Thị Thanh Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị Thanh Tr không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Anh Lê Thành C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- *Về tài sản và công nợ chung:* Các bên không yêu cầu giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Thị Thanh Tr phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/20220004297 ngày 10/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày được cấp, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
 - VKSND huyện Kr Búk;
 - Chi cục THADS huyện Kr Búk;
 - UBND xã Ph
- huyện T, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Thái Văn Hải